Chi tiết mã HS 0303.42.00

Mã HS	0303.42.00
Mô tả hàng hóa	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá ngừ đại dương (thuộc giống Thunus), cá ngừ vằn (cá ngừ sọc dưa) (Katsuwonus pelamis), trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0303.91 đến 0303.99: / - - Cá ngừ vây vàng (Thunnus albacares)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 01:41:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03034200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K382
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N382
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q382
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ382
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E376
ATIGA	2022	2022	0	AT!E377
ATIGA	2023	2023	0	AT!F377
ATIGA	2024	2024	0	AT!G377
ATIGA	2025	2025	0	AT!H377
ATIGA	2026	2026	0	AT!I377
ATIGA	2027	2027	0	AT!J377
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E379
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F379
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G379
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H379

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I379
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J379
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E377
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F377
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G377
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H377
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I377
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J377
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F377
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H376
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F379
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G379
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H379
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I379
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J379
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K379
VKFTA	2022	2022	0	VK!E377
VKFTA	2023	2023	0	VK!F377
VKFTA	2024	2024	0	VK!G377
VKFTA	2025	2025	0	VK!H377
VKFTA	2026	2026	0	VK!I377
VKFTA	2027	2027	0	VK!J377
VCFTA	2022	2022	4	VC!D378
VCFTA	2023	2023	2	VC!E378
VCFTA	2024	2024	0	VC!F378
VCFTA	2025	2025	0	VC!G378

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H378
VCFTA	2027	2027	0	VC!I378
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D379
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E379
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F379
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G379
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H379
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I379
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D378
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E378
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F378
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G378
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H378
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I378
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D376
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E376
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F376
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G376
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H376
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I376
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D378
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E378
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F378
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G378
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H378
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I378

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D378
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E378
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F378
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G378
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H378
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I378
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J378
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D377
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E377
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F377
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G377
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H377
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I377
RCEP B	2022	2022	0	B!D377
RCEP B	2023	2023	0	B!E377
RCEP B	2024	2024	0	B!F377
RCEP B	2025	2025	0	B!G377
RCEP B	2026	2026	0	B!H377
RCEP B	2027	2027	0	B!I377
RCEP C	2022	2022	0	C!D377
RCEP C	2023	2023	0	C!E377
RCEP C	2024	2024	0	C!F377
RCEP C	2025	2025	0	C!G377
RCEP C	2026	2026	0	C!H377
RCEP C	2027	2027	0	C!I377
RCEP D	2022	2022	0	D!D377

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E377
RCEP D	2024	2024	0	D!F377
RCEP D	2025	2025	0	D!G377
RCEP D	2026	2026	0	D!H377
RCEP D	2027	2027	0	D!I377
RCEP E	2022	2022	0	E!D377
RCEP E	2023	2023	0	E!E377
RCEP E	2024	2024	0	E!F377
RCEP E	2025	2025	0	E!G377
RCEP E	2026	2026	0	E!H377
RCEP E	2027	2027	0	E!I377
RCEP F	2022	2022	0	F!D377
RCEP F	2023	2023	0	F!E377
RCEP F	2024	2024	0	F!F377
RCEP F	2025	2025	0	F!G377
RCEP F	2026	2026	0	F!H377
RCEP F	2027	2027	0	F!I377
VIFTA	2024	2024	*	VI!F359
VIFTA	2025	2025	*	VI!G359
VIFTA	2026	2026	*	VI!H359
VIFTA	2027	2027	*	VI!I359

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0303.42.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0303.42.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N382), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.